

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/9/2020.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp tài sản  
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyết.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Vụ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/8/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 45/2020/TB - TA ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1970.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC số 5, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện nay đang ở Cộng hòa Séc.

Người đại diện theo ủy quyền về phần tài sản và giao, nhận tài liệu tố tụng của nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ1; sinh năm 1964; trú tại: KDC T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: KDC T, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 14/01/1991. Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện C (Nay là phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương). Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Đ trình bày là do vợ chồng không hòa hợp về cách sống, luôn xảy ra xung đột và không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã. Sau đó vợ chồng sống ly thân nhau khoảng 5 năm. Do kinh tế

khó khăn nên chị đi lao động tại Cộng hòa Séc. Kể từ ngày chị đi nước ngoài, vợ chồng ít quan tâm, chia sẻ động viên nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Theo anh T trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên năm 2008 chị Đ đi lao động tại Cộng hòa Séc. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên chia sẻ, động viên nhau nhưng sau đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và ít quan tâm nhau hơn, mỗi khi liên lạc lại cãi vã nhau, bất đồng về quan điểm sống.

Nay chị Đ và anh T cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã tự khắc phục nhưng không được. Chị Đ yêu cầu xin ly hôn, anh T nhất trí.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn H sinh năm 1992 và Nguyễn Văn N sinh năm 2000. Nay hai con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung gồm: Thửa đất số 83, diện tích 350,6m<sup>2</sup> tại phường P, trên đất có tài sản là Nhà ở, công trình phụ và các tài sản khác. Trong quá trình giải quyết, trên cơ sở hòa giải của Tòa án, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau. Nay chị Đ đã làm đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, anh T nhất trí và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, việc gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn chuẩn bị xét xử, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn T ly hôn.
- + Về tài sản: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung do chị Đ rút yêu cầu.
- + Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Đ là công dân Việt Nam hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự nhưng họ đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 14/01/1991 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đủ các điều kiện kết hôn và có đăng ký tại UBND thị trấn P, huyện C (Nay là phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương). Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian dài. Do kinh tế khó khăn nên năm 2008 chị Đ đi lao động tại Cộng hòa Séc. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa hợp, thường xuyên động viên nhau. Đến năm 2014, anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã, xúc phạm nhau. Do vậy anh chị không còn quan tâm đến nhau. Chị Đ và anh T đều đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Nay chị Đ và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Chị Đ yêu cầu xin được ly hôn, anh T nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn N, sinh năm 2000. Hiện các con chung của anh chị đã trưởng thành, trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình với các yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung gồm nhà, đất, công trình phụ và các tài sản khác. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung. Ngày 05/8/2020, chị Đ có văn bản tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Xét việc chị Đ rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện nên HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị Đ.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Đ đã rút yêu cầu chia tài sản chung nên cần trả lại chị Đ số tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của chị Trần Thị Đ.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về việc ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002055 ngày 17/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự chia tài sản chung theo biên lai số AA/2018/0002055 ngày 17/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đ đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường P, thành phố C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Quyết**